

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG NGÃI CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 509 /TB-KSBT

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc báo giá cung cấp dịch vụ “Đánh giá giám sát phòng thí nghiệm
VILAS 648 theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2017”

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp dịch vụ Đánh giá giám sát phòng thí nghiệm
trong và ngoài tỉnh.

Trên cơ sở đề xuất Danh mục Đánh giá giám sát phòng thí nghiệm VILAS
648 theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025: 2017 của Khoa Xét nghiệm- Chẩn đoán hình
ảnh- Thăm dò chức năng (khoa XN).

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi trân trọng thông báo đến
quý đơn vị có đủ năng lực đáp ứng yêu cầu dưới đây vui lòng gửi báo giá (*mẫu
báo kèm theo*) đến Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi.

I. Nội dung công việc yêu cầu đánh giá

- Đánh giá giám sát Hệ thống phòng thí nghiệm VILAS 648 theo tiêu chuẩn
ISO/IEC 17025: 2017 và các yêu cầu bổ sung lĩnh vực hóa (ARL 05), lĩnh vực
sinh (ARL 04) phiên bản năm 2024.

- Đánh giá kỹ thuật các phép thử được công nhận của VILAS 648 phù hợp
theo ISO/IEC 17025:2017.

1. Đánh giá hệ thống: (*Phụ lục I kèm theo*)

2. Đánh giá kỹ thuật: (*Phụ lục II kèm theo*)

3. Thời gian dự kiến đánh giá giám sát: Dự kiến thực hiện đánh giá giám
sát trong 01 ngày do đơn vị đánh giá chọn ngày phù hợp.

4. Địa điểm đánh giá giám sát: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng
Ngãi, địa chỉ: 405 Bà Triệu, Phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi.

II. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi,
địa chỉ số 405 Bà Triệu, Phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp hoặc qua bưu điện tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh
Quảng Ngãi (*qua phòng Tài chính- Kế toán, khoa Xét nghiệm-CDHA-TDCN hoặc
văn thư*) vào giờ hành chính các ngày trong tuần từ thứ 2 đến thứ 6 (nhận bản
giấy). Địa chỉ: 405 Bà Triệu, phường Kon Tum, tỉnh Quảng Ngãi.

- Nhận qua số điện thoại: Lê Thị Minh Hiếu 09067418181.
- Nhận qua email: xn.cdc.kontum@gmail.com bản scan và file mềm excel (tiêu đề: Báo giá theo yêu cầu tại Thông báo/TB-KSBT ngày .../.../....).

3. Thời hạn nhận báo giá: Từ ngày phát hành Thông báo đến trước 15 giờ ngày 28/10/2025 (các báo giá nhận sau thời điểm này sẽ không được xem xét).

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày phát hành báo giá.

Đề nghị các đơn vị cung cấp dịch vụ đánh giá giám sát phòng thí nghiệm trong và ngoài tỉnh quan tâm./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đăng tải Website của TT KSBT;
- Lưu: VT, KHN, VN, TCKT.

GIÁM ĐỐC



Võ Thanh Căn

PHỤ LỤC I
NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT HỆ THỐNG
(Kèm theo Thông báo số 509 /TB-KSBT ngày 18 / 9 /2025
của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi)



Nội dung đánh giá		Tham chiếu ISO/IEC 17025: 2017
I	Yêu cầu chung	4
1	Khách quan	4.1
2	Bảo mật	4.2
II	Yêu cầu về cơ cấu	5
III	Yêu cầu về nguồn lực	6
1	Nhân sự	6.2
2	Cơ sở vật chất và điều kiện môi trường	6.3
3	Thiết bị	6.4
4	Liên kết chuẩn đo lường	6.5
5	Sản phẩm và dịch vụ do bên ngoài cung cấp	6.6
IV	Yêu cầu về quá trình	
1	Xem xét yêu cầu đề nghị và hợp đồng	7.1
2	Lựa chọn, kiểm tra xác nhận và xác nhận giá trị sử dụng.	7.2
3	Lấy mẫu	7.3
4	Xử lý đối tượng thử nghiệm	7.4
5	Hồ sơ kỹ thuật	7.5
6	Đánh giá độ không đảm bảo đo	7.6
7	Đảm bảo giá trị sử dụng của kết quả	7.7
8	Báo cáo kết quả	7.8
9	Khiếu nại	7.9
10	Công việc không phù hợp	7.10
11	Kiểm soát dữ liệu-Quản lý thông tin	7.11
V	Yêu cầu về hệ thống quản lý	
1	Tài liệu hệ thống quản lý	8.2
2	Kiểm soát tài liệu	8.3
3	Kiểm soát hồ sơ	8.4
4	Hành động để giải quyết rủi ro và cơ hội	8.5
5	Cải tiến	8.6
6	Hành động khắc phục	8.7
7	Đánh giá nội bộ	8.8
8	Xem xét của lãnh đạo	8.9

PHỤ LỤC II
NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT KỸ THUẬT
(Kèm theo Thông báo số 509/TB-KSBT ngày 18/9/2025
của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Quảng Ngãi)



Danh mục 30 phép thử đã được công nhận theo **Quyết định số 2040/QĐ-VPCNCL** ngày 09/11/2023 của Văn phòng Công nhận Chất lượng- Bộ Khoa học và Công nghệ (kèm theo phụ lục).

TT	Nền mẫu	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn định lượng (LOQ)
I	Hóa- lý nước			
1	Nước sạch, nước ngầm, nước mặt, nước uống đóng chai, nước qua hệ thống lọc	Xác định hàm lượng Fe Phương pháp F-AAS	SMEWW 3111B:2023	0,1 mg/L
2		Xác định hàm lượng Mn Phương pháp F-AAS	SMEWW 3111B:2023	0,06 mg/L
3		Xác định hàm lượng Cu Phương pháp F-AAS	SMEWW 3111B:2023	0,1 mg/L
4		Xác định hàm lượng Zn Phương pháp F-AAS	SMEWW 3111B:2023	0,1 mg/L
5		Xác định hàm lượng Cd Phương pháp GF-AAS	SMEWW 3113B:2023	0,25 µg/L
6		Xác định hàm lượng Pb Phương pháp GF-AAS	SMEWW 3113B:2023	2 µg/L
7		Xác định hàm lượng As Phương pháp HG-AAS	SMEWW 3114B:2023	2 µg/L
8		Xác định hàm lượng Hg Phương pháp CV -AAS	SMEWW 3112B:2023	1 µg/L
9		Xác định hàm lượng Nitrit Phương pháp trắc phổ hấp thụ phân tử	TCVN 6178:1996	0,05 mg/L



	Nền mẫu	Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn định lượng (LOQ)
		Xác định hàm lượng nitrat Phương pháp trắc phổ dùng Axit sunfosalixylic	TCVN 6180:1996	0,1 mg/L
11		Xác định hàm lượng Mn Phương pháp trắc quang dùng Fomaldoxym	TCVN 6002:1995	0,06 mg/L
12		Xác định hàm lượng sắt Phương pháp trắc phổ dùng thuốc thử 1,10-phenantrolin	TCVN 6177:1996	0,05 mg/L
13		Xác định pH	TCVN 6492:2011	2 ~ 12
14		Xác định chỉ số Pemanganat Phương pháp chuẩn độ KMnO_4	TCVN 6186:1996	0,5 mg/L
15		Xác định hàm lượng Clorua Phương pháp chuẩn độ Bạc Nitrat với chỉ thị Cromat (Phương pháp MO)	TCVN 6194:1996	5 mg/L
16	Nước sạch, nước ngầm, nước mặt	Xác định hàm lượng Sunfat Phương pháp UV-Vis	SMEWW 4500 SO_4^{2-}E : 2023	5 mg/L
17		Xác định hàm lượng tổng Canxi và magie Phương pháp chuẩn độ EDTA	TCVN 6224:1996	5 mg/L
18		Xác định hàm lượng Amoni Phương pháp UV-Vis	SMEWW 4500 $\text{NH}_3\text{ F}$:2023	0,2 mg/L
19		Xác định độ đục	PP.3.5-2-17-N (2019)	1,2 NTU
20	Nước sạch	Xác định Clo dư Phương pháp chuẩn độ	SMEWW 2350B: 2023	0,2 mg/L
21	Chả thịt	Xác định Natri Borat và Axit Boric Phương pháp định tính và bán định lượng	AOAC 959.09	LOD: 20 mg/Kg
22	Bún, bánh phở	Xác định hàm lượng Formaldehyt Phương pháp định tính và bán định lượng	TCVN 8894:2012	LOD: 0,3 mg/L